

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-PT

Ngày 10 - 6 - 2021

V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021, về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh D, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm 2, Phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh D, sinh năm 1952. Địa chỉ: Khóm 2, Phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Minh D: Bà Lê Ngọc N là Luật sư của chi nhánh Văn phòng Luật sư Vạn L tại Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1950 (có mặt).

2. Bà Lê Thu H, sinh năm 1959 (có mặt).

3. Bà Lê Thị N, sinh năm 1943

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N: Ông Lê Minh D, sinh năm 1953. Địa chỉ: Khóm 2, Phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
5. Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1977 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
6. Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1979 (có mặt).
7. Chị Lê Thị Thúy O, sinh năm 1982 (vắng mặt).
8. Anh Lê Tấn T, sinh năm 1984 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
9. Chị Lê Thanh T, sinh năm 1995 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 2, Phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà Mai Tú Á, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (yêu cầu xét xử vắng mặt).

11. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Minh D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Minh D trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông chết để lại vào năm 1978 cho ông quản lý làm đất mỗ mã, khi để lại có làm di chúc. Tờ di chúc do ông là người viết, có anh em trong gia đình chứng kiến và cùng ký tên vào di chúc cụ thể: Bà Lê Thị N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị H, ông Lê Minh Đ, ông Lê Minh D và bà Lê Thu H. Ngoài ra còn có ông Trịnh Phú H là Trưởng khóm và ông Bùi Văn Qu cùng có mặt và chứng kiến (ông Q và ông H đã chết). Năm 1983, cha ông là cụ Lê Văn A chết, năm 2003, mẹ ông là cụ Trần Thị B chết đều được chôn cất trên phần đất này. Từ năm 1978 đến năm 2003 ông là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất. Sau khi mẹ ông chết khoảng 03 - 04 năm thì ông D hỏi ông mượn phần đất trống phía trước để làm nơi mua bán cà phê, ông có hỏi ý bà N, bà H và bà H thì được chị em đồng ý nên ông cho ông D mượn phần đất phía trước làm nơi bán cà phê. Mấy năm sau thì ông D tiếp tục hỏi mượn thêm để che mái bên trong làm cà phê quán võng. Năm 2015, ông D xây dựng thêm tường và che mái giáp tới mí nhà mỗ thì ông và các chị em ngăn cản và có trình báo ra Ủy ban nhân dân thị trấn H thì ông D mới mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra lúc này ông mới biết ông D đã đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Nay ông và các chị em đồng ý cho ông D phần đất ngang 05m dài từ lộ đến mí nhà mỗ và yêu cầu ông D giao trả phần đất còn lại để ông quản lý làm đất mỗ mã theo di chúc của cha mẹ, đồng thời yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất tranh chấp.

Bị đơn ông Lê Minh D trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ ông cho ông khoảng năm 1986 - 1987, khi cho không có làm giấy tờ, cho bề

ngang khoảng hơn 40m, dài khoảng 300m (phần đất ông Đ đang ở), nhưng ông không lấy mà ông lấy phần đất dưới mé sông và phần đất hiện đang tranh chấp. Phần đất này ông sử dụng làm nơi buôn bán trại tôm giống từ năm 1990- 1991, bán quán cà phê từ năm 1988 – 1989 đến nay không có tranh chấp. Khi Nhà nước thi công làm Quốc lộ 1A ông có nhận tiền đền bù vào năm 2004. Năm 2007, ông kê khai đăng ký được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nhà mồ do ông Đ xây cất cho cha mẹ nên ông không có ý kiến. Ông không có hỏi mượn đất của ông Đ. Về tờ di chúc do mẹ ông không biết chữ nên không thể ký tên trong tờ di chúc. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị H, Lê Thu H, Mai Tú Á trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Lê Minh Đ, không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã G trình bày: Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh D tại thửa số 16, tờ bản đồ 60 đã được thể hiện trong Công văn của Phòng TN-MT thị xã G phúc đáp cho Tòa án. Nay đối với yêu cầu của các đương sự có yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến phần diện tích đất đang tranh chấp thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623, 624, 627, 630, 645 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ. Buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ giao lại phần đất diện tích 124,42m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ 60 đất tại khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Minh D cạnh dài 3,48m + 11,7m + 5m + 4,9m;

Hướng Tây giáp đất bà Trần Thị Á cạnh dài 3,50m + 16,50m;

Hướng Nam giáp đất ông Lê Minh D cạnh dài 10m;

Hướng Bắc giáp Quốc lộ 1A dài 5m.

Cho các đồng thừa kế ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị H, bà Lê Thu H và bà Lê Thị N. Ông Lê Minh Đ là người đứng tên quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kiến nghị UBND thị xã G thu hồi một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Minh D liên quan đến đất tranh chấp cụ thể như sau:

Phần đất diện tích 124,42m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ 60 đất tại khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Minh D cạnh dài 3,48m + 11,7m + 5m + 4,9m;

Hướng Tây giáp đất bà Trần Thị Á cạnh dài 3,50m + 16,50m;

Hướng Nam giáp đất ông Lê Minh D cạnh dài 10m;

Hướng Bắc giáp Quốc lộ 1A dài 5m.

Để điều chỉnh cấp lại cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị H, bà Lê Thu H và bà Lê Thị N. Ông Lê Minh Đ là người đứng tên quản.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị H, bà Lê Thu H, bà Lê Thị N giao cho ông Lê Minh D quản lý sử dụng riêng phần ngang 05m tới mé nhà mô diện tích 75,5m² thuộc thửa số 16 tờ bản đồ 60 đất tại khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này ông D đang quản lý, ông D được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định về luật đất đai.

Về công trình trên đất: Buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời phần mái che thuộc phạm vi đất tranh chấp để giao lại cho ông Lê Minh Đ theo quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản; về chi phí giám định; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 12 năm 2020, bị đơn ông Lê Minh D kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D xác định ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Minh D trình bày ý kiến: Kháng cáo của ông Lê Minh D là có căn cứ, cụ thể cụ A và cụ B nếu có lập di chúc thì di chúc này cũng không hợp pháp do Hiến pháp thời điểm đó quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không phải là tài sản của hai cụ, nên hai cụ không có quyền định đoạt. Di chúc do ông Đ là người viết, tuy có ông H và ông Q chứng kiến nhưng hai ông này đã chết; khi Ủy ban nhân dân thị trấn xác nhận lúc này cụ A, cụ B đã chết. Phần đất tranh chấp ông D là người sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan chuyên môn cũng xác định ông D được cấp Giấy chứng nhận là đúng quy định pháp luật; khi nâng lộ giải phóng mặt bằng ông D cũng là người nhận tiền. Theo lời khai của ông D và ông Đ xác định vào thời điểm năm 1978, thời điểm làm di chúc thì phần đất đang

tranh chấp có căn nhà của ông bà ngoại ông D, nên không thể di chúc phần đất này để làm mồ mả. Do di sản không còn, nên không có căn cứ chia thừa kế theo yêu cầu của ông Đ. Yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định Tờ di chúc, nếu không tạm ngừng phiên tòa thì yêu cầu chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Minh D, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Minh D nộp trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ông Lê Minh D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị D, chị Lê Thị Cẩm N, anh Lê Tấn T, chị Lê Thanh T, chị Lê Thị Thúy O và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Minh D không đồng ý giao trả cho ông Lê Minh Đ đối với phần đất tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp được các bên đương sự thống nhất xác định của cha mẹ là cụ Lê Văn A (chết năm 1983) và cụ Trần Thị B (chết năm 2003). Cụ A và cụ B có 08 người con gồm: Ông Lê Văn R (chết còn nhỏ), bà Lê Thị N, ông Lê Văn D (chết còn nhỏ), bà Lê Thị V (chết năm 2019), bà Lê Thị H, ông Lê Minh Đ, ông Lê Minh D và bà Lê Thu H. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn ông Lê Minh Đ cung cấp Tờ di chúc của cụ Lê Văn A và cụ Trần Thị B được lập ngày 15/9/1978. Xét thấy Tờ di chúc được lập thành văn bản, có chữ ký của cụ Lê Văn A, cụ Trần Thị B và các con của cụ A, cụ B là bà Lê Thị N, bà Lê Thị V, bà Lê Thị H, ông Lê Minh Đ, ông Lê Minh D, bà Lê Thị H, đồng thời có sự chứng kiến xác nhận của ông Trịnh Phú H và ông Bùi Văn Q cùng ngày 15/9/1978. Ngày 03/6/2005, Ủy ban nhân dân thị trấn H xác nhận chữ ký của ông Bùi Văn Q, Trưởng Công an thị trấn H vào những năm 1978 là đúng sự thật. Mặc dù hiện nay ông Q và ông H đã chết nhưng chữ ký của ông Q đã được Ủy ban nhân dân thị trấn H xác nhận là của ông Q - Trưởng công an thị trấn H vào thời điểm năm 1978 là đúng. Ông D không thừa nhận Tờ di chúc do cha mẹ định đoạt, tuy nhiên các con cụ A, cụ B đều xác định cha mẹ có lập Tờ di chúc này. Xét thấy hình thức và nội dung của Tờ di chúc phù hợp với Điều 12, Điều 13 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và phù hợp với Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Xét lời trình bày của ông D cho rằng mẹ ông là cụ B không biết chữ nên không thể ký tên, tuy nhiên ông D không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông. Mặt khác, sau khi lập di chúc các bên được hưởng di sản thừa kế trong đó có ông D và ông Đ đã được nhận tài sản đúng như nội dung Tờ di chúc để lại. Bản thân ông D cũng thừa nhận được cha mẹ cho đất và ông đã bán cho người khác. Ông D còn xác định phần đất tranh chấp phía trước nhà mồ trước đây do ông quản lý, sử dụng từ năm 1987 đến nay để làm trại bán tôm giống, làm nơi bán cà phê. Tuy nhiên, lời trình bày của những người làm chứng gồm: Bà Trịnh Thị Mai Đ, ông Trần Hòa B, ông Trần Hữu H, bà Phan Kim T, ông Trần Văn Đ và ông Vũ Chấn Đ (bút lục 217-222) xác định đối với phần đất trước nhà mồ trước đây là đất trống sau này thì ông D mới sử dụng mua bán cà phê. Lời trình bày của những người làm chứng phù hợp với lời trình bày của ông Đ, nên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp ông Đ và các chị em trong gia đình cho ông D mượn phần đất phía trước nhà mồ để mua bán cà phê từ năm 2007 cho đến khi phát sinh tranh chấp, nên lời trình bày của ông D là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ xác định trước khi chết, cụ A và cụ B có lập di chúc và là di chúc hợp pháp, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh Đ là có căn cứ.

[3] Phần đất tranh chấp đứng tên hộ ông Lê Minh D, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa đầy đủ các thành viên hộ ông D gồm vợ và các con ông D tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có ông D là người quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, nên Bản án sơ thẩm buộc ông D là người giao lại đất cho nguyên đơn là phù hợp. Đối với các con bà Lê Thị V chỉ có chị Mai Tú A có ý kiến đồng ý theo Tờ di chúc ngày 15/9/1978 và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Những người con khác của bà Lê Thị V, các bên đương sự xác định hiện nay không biết địa chỉ ở đâu. Mặt khác, đây là vụ án tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, nên không cần thiết đưa họ tham gia tố tụng do những người này không có quyền và nghĩa vụ trong vụ án và

không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Do đó, không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại buộc vợ và các con ông D cùng có nghĩa vụ giao trả đất cho ông Đ và đưa các con bà Lê Thị V tham gia tố tụng như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đ, bà N, bà H và bà H thống nhất đồng ý giao cho ông D toàn quyền quản lý sử dụng riêng phần đất giáp Quốc lộ 1A chiều ngang 05m, chiều dài tới mí nhà mồ, diện tích 75,5m², nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cho ông D quản lý sử dụng diện tích đất 75,5m² tại thửa số 16, tờ bản đồ số 60, đất tọa lạc tại Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ, bà H, bà H vẫn giữ nguyên sự tự nguyện trên, nên được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của ông Lê Minh Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Minh D. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất nên không cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ cần kiến nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án là phù hợp.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh D, không có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D và không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh D phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi, có đơn xin miễn, giảm án phí căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ông D được miễn nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623, 624, 627, 630, 645 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã G tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Đ.

Buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H và bà Lê Thu H phần đất diện tích 124,42m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ 60, đất tại Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, đất có số đo và vị trí như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Minh D cạnh dài 3,48m + 11,7m + 5m + 4,9m;

Hướng Tây giáp đất bà Trần Thị Á cạnh dài 3,50m + 16,50m;

Hướng Nam giáp đất ông Lê Minh D cạnh dài 10m;

Hướng Bắc giáp Quốc lộ 1A dài 5m.

Ông Lê Minh Đ là người đứng tên quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Minh D đối với diện tích đất nêu ở phần 1 của Quyết định để điều chỉnh cấp lại cho ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H và bà Lê Thu H. Ông Lê Minh Đ là người đứng tên quản lý.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H và bà Lê Thu H giao cho ông Lê Minh D quản lý, sử dụng riêng phần đất ngang 05m giáp với Quốc lộ 1A tới mé nhà mề diện tích 75.5m², thuộc thửa số 16, tờ bản đồ 60, đất tọa lạc tại Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này ông D đang quản lý, sử dụng, được tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định về Luật Đất đai.

4. Về công trình trên đất: Buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời phần mái che thuộc phạm vi đất tranh chấp để giao trả cho ông Lê Minh Đ quản lý, sử dụng.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp 1.500.000 đồng. Ông Lê Minh Đ phải chịu 750.000 đồng, ông Lê Minh D phải chịu 750.000 đồng. Ông Đ đã nộp 1.500.000 đồng và chi phí hết; nên buộc ông D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ số tiền 750.000 đồng.

5.2. Về chi phí giám định 1.200.000 đồng. Ông Lê Minh Đ phải chịu 600.000 đồng; ông Lê Minh D phải chịu 600.000 đồng; ông Đ và ông D mỗi người đã nộp xong số tiền 600.000 đồng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh Đ, bà Lê Thị N, bà Lê Thị H, bà Lê Thu H và ông Lê Minh D được miễn nộp toàn bộ. Ông Lê Minh Đ đã nộp

tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng theo Biên lai thu số 0012062 ngày 26/4/20218 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh D được miễn nộp toàn bộ. Ông Lê Minh D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002239 ngày 24/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TX.G;
- CCTHADS TX. G;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng